

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT
Ngày 02-12-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu tháo dỡ, di dời
tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán thành viên: Ông Vi Đức Trí;
Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLPT- DS ngày 06 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐ-PT ngày 12/11/2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Văn T; có mặt.

2. Ông Vi Văn H; có mặt.

3. Bà Hoàng Thị T; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư, Văn phòng luật sư H và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn B; có mặt.
2. Ông Hứa Xuân H; có mặt.
3. Ông Phạm Minh H; có mặt.
4. Bà Trần Thị L; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị L: Ông Phạm Văn Tu, địa chỉ: Thôn G xã Đ, huyện Hữu L, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2021); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- | | |
|------------------------------------|--|
| 1. Du Văn Đ; có mặt. | 85. Giáp Thị T; vắng mặt. |
| 2. Phan Thị H; vắng mặt. | 86. Đoàn Nhật T; có mặt. |
| 3. Du Văn T (Du Mạnh T); vắng mặt. | 87. Hoàng Thị T; vắng mặt. |
| 4. Du Mạnh T; vắng mặt. | 88. Đoàn Nhật H (Đoàn Mạnh H); vắng mặt. |
| 5. Lê Hồng H (Lê Thị H); vắng mặt. | 89. Hoàng Thị T1; vắng mặt. |
| 6. Vi Văn H; có mặt. | 90. Nguyễn Đình X; vắng mặt. |
| 7. Phạm Thị P; vắng mặt. | 91. Lý Văn T; có mặt. |
| 8. Nguyễn Văn H; vắng mặt. | 92. Lưu Thị V (Lưu Khương V); vắng mặt. |
| 9. Hoàng Văn U; vắng mặt. | 93. Vi Thị M; vắng mặt. |
| 10. Tôn Thị N; vắng mặt. | 94. Lý Văn N; vắng mặt. |
| 11. Du Anh T; vắng mặt. | 95. Phạm Thị B; vắng mặt. |
| 12. Nguyễn Thị H; vắng mặt. | 96. Du Văn L; vắng mặt. |
| 13. Nguyễn Đình T; vắng mặt. | 97. Ngô Thị P; vắng mặt. |
| 14. Nguyễn Đình T; vắng mặt. | 98. Lý Văn T; vắng mặt. |
| 15. Nguyễn Thị S; vắng mặt. | 99. Tống Thị V; vắng mặt. |
| 16. Du Mộng T; vắng mặt. | 100. Lý Văn V; vắng mặt. |
| 17. Trương Ngọc K; vắng mặt. | 101. Vy Thị B; vắng mặt. |
| 18. Vy Văn T; vắng mặt. | 102. Du Văn H; vắng mặt. |
| 19. Đoàn Nhật T; vắng mặt. | 103. Nguyễn Thị Q; vắng mặt. |
| 20. Hà Thị T; vắng mặt. | 104. Hoàng Thị T2; vắng mặt. |
| 21. Vi Hoài N; có mặt. | 105. Triệu Thị T; vắng mặt. |
| 22. Nguyễn Thị T; vắng mặt. | 106. Vi Văn H; vắng mặt. |
| 23. Trần Thị C; vắng mặt. | 107. Vi Văn T; vắng mặt. |
| 24. Vi Khánh H; vắng mặt. | 108. Hoàng Trung K; vắng mặt. |

25. Vy Hà P; vắng mặt.
26. Trần Văn Q; vắng mặt.
T); vắng mặt.
27. Hứa Thị H; vắng mặt.
28. Trần Văn H; vắng mặt.
29. Hoàng Thị C; vắng mặt.
30. Trần Văn H; vắng mặt.
31. Nông Văn H; vắng mặt.
vắng mặt.
32. Hoàng Văn T; có mặt.
33. Vương Thị H; vắng mặt.
34. Vi Thị V; vắng mặt.
35. Đỗ Thị L; vắng mặt.
36. Lương Văn H; vắng mặt.
37. Du Thị Hải H; vắng mặt.
38. Du Thị D (Du Hải D); vắng mặt.
39. Nông Thiên T; vắng mặt.
40. Lương Văn T; vắng mặt.
41. Lương Văn Đ; vắng mặt.
42. Lê Thị T; vắng mặt.
43. Mè Thị H; vắng mặt.
44. Hoàng Văn T; vắng mặt.
45. Lý Thị L; vắng mặt.
46. Nguyễn Thị T; vắng mặt.
47. Hoàng Thị Q; vắng mặt.
48. Vũ Thị N; vắng mặt.
vắng mặt.
49. Lương Văn N; vắng mặt.
50. Hứa Hồng T; vắng mặt.
51. Lương Thu H; vắng mặt.
52. Vy Văn S; vắng mặt.
53. Nguyễn Thị N; vắng mặt.
54. Vy Khánh H; vắng mặt.
109. Du Thị T; vắng mặt.
110. Nguyễn Thị Thu T (Nguyễn Thị
T); vắng mặt.
111. Nguyễn Thị H; vắng mặt.
112. Du Minh T; vắng mặt.
113. Đặng Hoài N; vắng mặt.
114. Nguyễn Thị T; vắng mặt.
115. Hoàng Văn H (Hoàng Tuấn H);
vắng mặt.
116. Trần Thị S; vắng mặt.
117. Nguyễn Trường S; vắng mặt.
118. Nguyễn Đức T; vắng mặt.
119. Trần Thị B; vắng mặt.
120. Lương Văn C; vắng mặt.
121. Đinh Thị H; vắng mặt.
122. Nguyễn Thị T; vắng mặt.
123. Lương Thị S; vắng mặt.
124. Lương Văn T; vắng mặt.
125. Nông Văn S; vắng mặt.
126. Nguyễn Đại D; vắng mặt.
127. Nguyễn Thị Hồng H; vắng mặt.
128. Nguyễn Thị L; vắng mặt.
129. Nguyễn Đình T; vắng mặt.
130. Hoàng Văn T1; vắng mặt.
131. Vi Thị M; vắng mặt.
132. Hoàng Văn Q (Hoàng Hồng Q);
vắng mặt.
133. Nguyễn Thị L; vắng mặt.
134. Nguyễn Xuân T; vắng mặt.
135. Hoàng Thị T; vắng mặt.
136. Hoàng Thị D; vắng mặt.
137. Vũ Ánh T; vắng mặt.
138. Vũ Anh T; vắng mặt.

55. Trần Văn V; vắng mặt.
56. Triệu Thị N; vắng mặt.
57. Trần Văn T; vắng mặt.
58. Dương Thị P; vắng mặt.
59. Triệu Thị L; vắng mặt.
60. Hoàng Thị O; vắng mặt.
61. Trần Văn L; vắng mặt.
62. Trần Mạnh T; vắng mặt.
63. Trần Thị X; vắng mặt.
64. Nguyễn Văn C; vắng mặt.
65. Du Văn P; vắng mặt.
66. Du Văn T; vắng mặt.
67. Trần Văn Q. Vắng mặt.
68. Trần Thị D; vắng mặt.
69. Du Xuân H; vắng mặt.
70. Hà Thị M; vắng mặt.
71. Vy Văn P; vắng mặt.
72. Nguyễn Thị L; vắng mặt.
73. Lương Thanh T; vắng mặt.
74. Trần Văn H; vắng mặt.
75. Trần Quốc H; vắng mặt.
76. Nguyễn Thị T; vắng mặt.
77. Nguyễn Thị K; vắng mặt.
78. Nguyễn Tiến C; vắng mặt.
79. Triệu Thị Hiệp; vắng mặt.
80. Lý Thị Y; vắng mặt.
81. Nguyễn Thị Y; vắng mặt.
82. Nguyễn Thị Thu H; vắng mặt.
83. Nguyễn Việt D; vắng mặt.
84. Đoàn Mạnh T; vắng mặt.
139. Quản Thị H; vắng mặt.
140. Nguyễn Văn C; vắng mặt.
141. Nông Thị H; vắng mặt.
142. Du Văn T (Du Anh T); vắng mặt.
143. Vi Thị H; vắng mặt.
144. Hoàng Thị T3; có mặt.
145. Du Văn B; vắng mặt.
146. Nguyễn Văn T (Nguyễn Quốc T);
147. Nguyễn Trang N; vắng mặt.
148. Nguyễn Trà M (Nguyễn Hà M); vắng
149. Du Văn H (Du Ngọc H); vắng mặt.
150. Vi Kim N (Vi Thị N); vắng mặt.
151. Nguyễn Văn T (Nguyễn Xuân T);
152. Nguyễn Văn H (Nguyễn Xuân H); vắng
153. Ngô Thị A; vắng mặt.
154. Nguyễn Văn T; vắng mặt.
155. Nguyễn Xuân H; vắng mặt.
156. Lương Thị M; vắng mặt.
157. Vy Thị N; vắng mặt.
158. Vy Văn M; vắng mặt.
159. Vy Thị N; vắng mặt.
160. Vy Thị T; vắng mặt.
161. Nguyễn Hồng P; vắng mặt.
162. Nguyễn Thị Q; vắng mặt.
163. Nguyễn Lê Dung; vắng mặt.
164. Phạm Thị T; vắng mặt.
165. Nguyễn Ngân T; vắng mặt.
166. Nông Văn C; vắng mặt.
167. Vy Văn N; vắng mặt.
168. Nguyễn Văn T1; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của 168 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở trên: Ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T, địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2020); có mặt.

169. Bà Phạm Thị T; vắng mặt.

170. Ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Mạnh H); có mặt.

171. Bà Nguyễn Vân A; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Vân A: Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 6 năm 2020); có mặt.

172. Ông Phạm Văn T; có mặt.

173. Ông Phạm Thanh T; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Thanh T: Ông Phạm Văn T, địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2020); có mặt.

174. Bà Du Thị H; vắng mặt.

175. Bà Hoàng Thị Vui T; có mặt.

176. Bà Phạm Thị Thúy N; có mặt.

177. Bà Phạm Thúy N; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của bà Du Thị H, bà Hoàng Thị Vui T, bà Phạm Thị Thúy N, bà Phạm Thúy N: Ông Phạm Minh H, địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2020); có mặt.

178. Nguyễn Thị D; vắng mặt. 223. Phạm Văn T; có mặt.

179. Phạm Thị H; có mặt. 224. Phạm Thị L; có mặt.

180. Đào Thị Thu H; vắng mặt. 225. Phạm Văn T; vắng mặt.

181. Phạm Văn B; vắng mặt. 226. Hứa Thị Đ; vắng mặt.

182. Nông Thị V; vắng mặt. 227. Hứa Thị Mai S (Hứa Thị Sinh); vắng mặt.

183. Hứa Thị L; vắng mặt. 228. Trần Thị L; vắng mặt.

184. Nguyễn Thị N; vắng mặt. 229. Hứa Thị H; vắng mặt.

185. Hoàng Ngọc T; có mặt. 230. Hứa Trung N; vắng mặt.

186. Vũ Giang T; vắng mặt. 231. Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Anh Đ); vắng mặt.
187. Mè Thị G; vắng mặt. 232. Nguyễn Văn C; vắng mặt.
188. Hoàng Quốc P. Vắng mặt. 233. Vũ Nhật L (Vũ Thị Nhật L); vắng mặt.
189. Hoàng Văn D; vắng mặt. 234. Nguyễn Văn T; vắng mặt.
190. Linh Thị B; vắng mặt. 235. Hứa Văn Đ; vắng mặt.
191. Hoàng Thị H; vắng mặt. 236. Hoàng Mạnh L; vắng mặt.
192. Nguyễn Quang H; vắng mặt. 237. Vy Thị V; vắng mặt.
193. Hoàng Thị N; vắng mặt. 238. Hứa Hương G (Hứa Lương Hương G); vắng mặt.
194. Hứa Quang H; có mặt. 239. Hứa Thị N; vắng mặt.
195. Lương Thị B; vắng mặt. 240. Nguyễn Thị V; có mặt.
196. Lương Văn P; vắng mặt. 241. Lê Thị B; vắng mặt.
197. Lương Văn V; vắng mặt. 242. Hứa Xuân H; có mặt.
198. Thân Thị L; vắng mặt. 243. Nguyễn Thị H; vắng mặt.
199. Lương Ngọc H; vắng mặt. 244. Lâm Thị T; vắng mặt.
200. Nông Thị P; vắng mặt. 245. Trịnh Văn M (Trịnh Quang M); vắng mặt.
201. Trần Văn H; vắng mặt. 246. Hứa Văn T; vắng mặt.
202. Trần Thị T; vắng mặt. 247. Mè Thị H; vắng mặt.
203. Trần Văn H; vắng mặt. 248. Hứa Thị Á (Hứa Ngọc Á); vắng mặt.
204. Trần Văn H; vắng mặt. 249. Nguyễn Văn H; vắng mặt.
205. Đàm Thị H; vắng mặt. 250. Nguyễn Thị U (Nguyễn Thị Thu U); vắng mặt.
206. Hứa Quốc L; vắng mặt. 251. Nguyễn Văn T; vắng mặt.
207. Vy Thị T; vắng mặt. 252. Hoàng Thị B; vắng mặt.
208. Hoàng Văn Đ; vắng mặt. 253. Trần Thị Tuyết N; vắng mặt.
209. Lê Thị T; vắng mặt. 254. Phạm Thúy H; vắng mặt.
210. Hoàng Thị T; vắng mặt. 255. Lý Văn L; vắng mặt.
211. Lê Văn H; vắng mặt. 256. Du Thanh M; vắng mặt.
212. Lê Thị N; vắng mặt. 257. Du Văn T; vắng mặt.
213. Lê Thị ; vắng mặt. 258. Hứa Thị H (Hứa Thị Minh H); có mặt.
214. Nguyễn Văn N; vắng mặt. 259. Phạm Văn T; vắng mặt.
215. Nguyễn Văn C; vắng mặt. 260. Hứa Xuân Q; vắng mặt.

216. Nguyễn Đình K; vắng mặt.

217. Vi Thị T; vắng mặt.

218. Nguyễn Văn T2; vắng mặt.

219. Trần Văn O; vắng mặt.

220. Hứa Thị T; vắng mặt.

221. Hoàng Thị L; vắng mặt.

222. Nguyễn Thị T4; vắng mặt.

261. Linh Thị T; vắng mặt.

262. Nguyễn Thị V; vắng mặt.

263. Nguyễn Văn T3; vắng mặt.

264. Hứa Thị Kim T; có mặt.

265. Hà Thị D; vắng mặt.

266. Hứa Thị H; vắng mặt.

267. Nguyễn Văn Hoan; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

268. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn : Ông Lương Văn C - Phó Chủ tịch UBND xã Đ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2021); vắng mặt.

269. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ông Vũ H -Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2020); vắng mặt.

270. Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn. Ông Đỗ Viết T – Chuyên viên phòng Quản lý kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 3 năm 2021); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp, gồm các thửa đất số 74, 75 và một phần thửa đất số 73, 82, đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có nguồn gốc là do nhân dân thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đóng góp vào HTX thôn G (sau đây gọi tắt là HTX) từ năm 1961. Đến năm 1986 thực hiện theo chế độ khoán 10, chính quyền xã chỉ đạo chia ruộng đất cho người dân, sau khi chia đất cho người dân tập thể thống nhất để lại một diện tích làm đất công, cụ thể: Khoảng 03 sào đất ao hiện nay còn nguyên vẹn không ai lấn chiếm, ao này cách Nhà văn hóa thôn G khoảng 100m, hiện nay Hội người cao tuổi thôn quản lý (đang cho cá nhân khác thuê) và một diện tích đất Nhà kho HTX khoảng 04 sào, để làm nơi sinh hoạt tập thể cho cộng đồng dân cư thôn G (nay là Nhà Văn hóa thôn G).

Năm 1989 ông Nguyễn Văn B là bộ đội K56 đóng trên địa bàn, lấy vợ tại địa phương. Vì không có đất ở, nên có đơn nhờ Hội người cao tuổi của thôn cho mượn

một phần đất của nhà kho HTX để làm nhà ở tạm và hứa khi nào ra quân thì trả lại đất và cho nhà tạm để các cụ quản lý (Hội người cao tuổi), nhưng cho đến bây giờ ông Nguyễn Văn B vẫn chưa trả lại diện tích đất đã mượn thuộc một phần đất của nhà kho HTX. Năm 1997 khi ông Nguyễn Văn B đổ gạch, đá, đào móng làm nhà kiên cố thì Hội người cao tuổi thôn ngăn cản nhưng ông B không nghe, thì ông Lý Văn L đại diện cho Hội người cao tuổi đã làm đơn đến xã đề nghị giải quyết và đến ngày 29/9/1997, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Thông báo số 05/TB-UB về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B đình chỉ xây dựng nhà trên đất của tập thể. Diện tích đất gia đình ông Nguyễn Văn B đang lấn chiếm, sử dụng là 436m² thuộc thửa đất số 74 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, trên đất có nhà ở kiên cố, công trình phụ và các tài sản khác.

Tiếp theo các năm sau Hội người cao tuổi do ông Lý Văn L là người đại diện tiếp tục có nhiều đơn kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết 4 hộ lấn chiếm đất nhà kho HTX thôn Gốc Me nêu trên. Ngày 29/6/2014 UBND xã Đ, ban hành Thông báo số 14/TB-UBND trả lời tờ trình đề nghị giải quyết của Trưởng thôn G, nội dung trả lời với kết luận là chưa đủ cơ sở để kết luận 4 hộ lấn chiếm đất của tập thể. Việc trả lời như trên khiến nhân dân thôn G rất bức xúc nên tiếp tục có nhiều đơn gửi tiếp lên cấp trên đề nghị xem xét giải quyết 4 hộ lấn chiếm đất công, Ban tiếp công dân tỉnh Lạng Sơn đã có các văn bản đề nghị UBND huyện H giải quyết, như: Văn bản số 109/VP-BTCD ngày 14/4/2015; Văn bản số 182/VP-BTCD ngày 25/6/2015; Công văn bản số 367/VP-BTCD ngày 07/11/2015.

Sau nhiều lần có đơn yêu cầu giải quyết. Ngày 30/11/2018, chủ tịch UBND huyện H ban hành Công văn số 1200/UBND-TNMT trả lời đơn đề nghị của ông Hoàng Văn T, Vi Văn H, Vi Văn P, Du Văn B (thay mặt cho các hộ dân thôn G) đề nghị xem xét giải quyết việc 4 hộ lấn chiếm đất của nhà văn hóa thôn G và cho rằng: Đơn của các hộ nêu việc 4 hộ lấn chiếm đất nhà văn hóa thôn G là có căn cứ. Ngoài hộ ông Nguyễn Văn B chiếm đất như trên, thì 03 hộ còn lại lấn chiếm đất của tập thể như sau:

- Hộ ông Hứa Xuân H: Năm 1991 ông Hứa Xuân H là bộ đội về quê sinh sống do không có đất ở nên đã chiếm một phần đất nhà kho HTX thôn G, phía giáp đường 243 xây nhà tạm để ở. Ngày 10/8/1997 ông Hứa Xuân H có đơn đề nghị gửi Ban Chủ nhiệm HTX thôn G xin cấp cho một mảnh đất để làm nhà ở. Diện tích đất mà ông Hứa Xuân H lấn chiếm, sử dụng là 364m², thuộc thửa đất số 75 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, trên đất có nhà ở kiên cố, công trình phụ và các tài sản khác.

- Hộ ông Phạm Minh H: Năm 2000, ông Phạm Văn H (*hộ có đất liền kề với đất nhà kho HTX*) đã lấn chiếm một phần để sử dụng làm vườn. Một lối đi thuộc một phần thửa đất số 82 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, diện tích lấn chiếm là 110m², trên đất có các tài sản như cây ăn quả, công trình xây dựng.

- Hộ bà Trần Thị L: Năm 2000, gia đình bà Trần Thị L (*hộ có đất liền kề*) lấn một phần đất thuộc thửa đất số 73 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, diện tích là 80m², trên đất có các tài sản như cây ăn quả, công trình xây dựng.

Ngày 13/8/2020, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài

sản: Kết quả xác định diện tích thực tế hộ ông Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 74, diện tích 447m²; hộ ông Hứa Xuân H quản lý, sử dụng thửa đất số 75, diện tích 388,9m²; hộ ông Phạm Văn H lấn chiếm 110m² thuộc một phần thửa đất số 82; hộ bà Trần Thị L lấn chiếm 80m² thuộc một phần thửa đất số 73.

Tại sơ họa trích đo khu đất tranh chấp ngày 13/8/2020: Đối với một phần diện tích 26,7m² thuộc một phần thửa đất số 74, do bà Nguyễn Thị D đang quản lý; 1,7m² thuộc một phần thửa đất số 68 do hộ ông B đang quản lý, sử dụng; các diện tích đất xác định là đất giao thông nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

1. Buộc bốn hộ gia đình ông Nguyễn Văn B, ông Hứa Xuân H, ông Phạm Minh H, bà Trần Thị L trả lại diện tích đất lấn chiếm 1.025,9m² (Trong đó hộ ông Nguyễn Văn B 447m²; hộ ông Hứa Xuân H 388,9m²; hộ ông Phạm Văn H 110m²; hộ bà Trần Thị L 80m², thể hiện cụ thể tại trích đo số 76/2020 ngày 13/8/2020) thuộc phần lớn thửa đất số 74, 75 và một phần thửa đất số 73, 82, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ, để cho Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

2. Buộc bốn hộ gia đình ông Nguyễn Văn B, ông Hứa Xuân H, ông Phạm Minh H, bà Trần Thị L phải tháo dỡ di dời các công trình xây dựng và tài sản trên đất (các tài sản thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2020), để trả lại nguyên trạng mặt bằng đất cho Cộng đồng dân cư thôn G làm sân Nhà Văn hóa thôn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Năm 1989, tôi là cán bộ kho K56 đóng quân tại thôn G, xã Đồng Tân, do không có đất để sinh sống và thấy khu đất trống cạnh nhà kho HTX không sử dụng, tôi đã xin bố mẹ vợ tôi, Hội người cao tuổi và chính quyền thôn Gốc Me được làm nhà ở trên mảnh đất đó. Thời điểm đó, nhà kho HTX cũ bao gồm 01 căn nhà cấp 4 và sân gạch, tổng diện tích khoảng hơn 500m². Gia đình tôi đã phát quang và làm nhà trên đó vào năm 1989, không lấn chiếm vào khu nhà kho HTX đã có ở phía sau. Từ năm 1989 đến năm 1999, không xảy ra tranh chấp gì liên quan đến diện tích đất trên. Năm 1997, khi tôi xây nhà không có ai ngăn cản cả, không có lực lượng nào vào cưỡng chế khi tôi làm nhà.

Ngày 11/11/1999, các ban, ngành, chính quyền thôn G đã tổ chức họp thôn và nhất trí cho 04 hộ gia đình gồm hộ gia đình nhà tôi và các hộ ông Hứa Xuân H, ông Phạm Văn T (vợ là Trần Thị L), ông Phạm Văn T (con trai là Phạm Minh H) được làm nhà trên các thửa đất xung quanh nhà kho với khoảng cách quy định cụ thể, nội dung thể hiện tại Biên bản giải quyết về việc đất kho HTX G. Sau đó, gia đình tôi đã xây dựng thêm 01 ngôi nhà 02 tầng và các công trình phụ gồm: 01 nhà tắm, 01 nhà kho. Diện tích đất hiện nay gia đình tôi đang sử dụng thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ. Ngày 02/4/2004, để đảm bảo không gian sinh hoạt chung của thôn G, chính quyền thôn đã tổ chức họp dân và yêu cầu 4 hộ gia đình phải có trách nhiệm xây tường bao quanh để làm ranh giới phân cách giữa 04 hộ với nhà kho HTX, nội dung thể hiện tại Biên bản xây tường rào trụ sở thôn ngày 02/4/2004. Ngày 06/8/2006, chính quyền thôn G đã tổ chức họp thôn để triển khai văn bản về đất đai đã thống nhất đồng ý cho 04 hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình

nhà tôi) được làm nhà theo biên bản ngày 11/11/1999, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất đang sinh sống. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T đã gửi đơn khởi kiện gia đình tôi và 03 hộ khác (hộ ông Hứa Xuân H, ông Phạm Văn T (vợ là Trần Thị L), ông Phạm Văn T (con trai là Phạm Minh H) đã lấn chiếm đất của thôn và yêu cầu 04 hộ phải di dời để trả lại đất của thôn. Ngày 29/6/2014, UBND xã Đ đã có thông báo số 14/TB-UBND trả lời tờ trình đề nghị giải quyết của trưởng thôn G, nội dung thông báo kết luận: Không có ai xâm lấn đất của thôn, chưa đủ cơ sở kết luận 04 hộ lấn chiếm đất của tập thể.

Ngày 30/11/2018, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Công văn số 1200/UBND-TNMT trả lời đơn đề nghị của một số hộ dân thôn G về việc tố cáo 04 hộ gia đình lấn chiếm đất của thôn, đã kết luận là không có cơ sở xem xét, không đảm bảo quy định của pháp luật.

Do vậy, việc gia đình tôi quản lý, sử dụng diện tích thửa đất số 74, tờ bản đồ số 14 là hợp pháp, gia đình tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Về giá trị tài sản trên đất của gia đình tôi theo biên bản định giá tài sản ngày 13/8/2020, có tổng giá trị 512.758.000 đồng là thấp, tôi không nhất trí. Về chi phí tố tụng các nguyên đơn là người khởi kiện nên phải tự chịu.

Bị đơn ông Hứa Xuân H trình bày: Năm 1991, khi tôi nghỉ mất sức về, do không có đất để sinh sống nên tôi đã đề nghị chính quyền thôn G cho làm nhà ở tạm trên mảnh đất mặt đường 243, cạnh khu nhà kho HTX cũ. Trước khi gia đình tôi làm nhà, khu đất này là một bãi hoang bên cạnh nhà kho HTX, không ai sử dụng. Thời điểm đó, nhà kho HTX cũ bao gồm 01 căn nhà cấp 4 và sân gạch, diện tích khoảng hơn 500m². Gia đình tôi đã phát quang khu đất trên, san phẳng và làm nhà ở trên đó. Ngày 10/8/1997, tôi gửi đơn lên chính quyền thôn Gốc Me để xin được xây nhà kiên cố và công trình phụ trên thửa đất trên (chính là thửa đất số 75, tờ bản đồ địa chính số 14) và đã được chính quyền đồng ý. Ngày 11/11/1999, chính quyền thôn Gốc Me đã tổ chức họp thôn và nhất trí cho 04 hộ gia đình gồm hộ gia đình tôi và các hộ ông B, ông T (vợ là Trần Thị L), ông T (con trai là Phạm Minh H) được làm nhà trên các thửa đất xung quanh nhà kho với khoảng cách quy định cụ thể. Ngày 02/4/2004, chính quyền thôn tổ chức họp dân và yêu cầu 4 hộ gia đình phải có trách nhiệm xây tường bao quanh để làm ranh giới phân cách giữa 04 hộ với nhà kho HTX. Tiếp đến ngày 06/8/2006, chính quyền thôn G đã tổ chức họp thôn để triển khai văn bản về đất đai và đã thống nhất đồng ý cho 04 hộ gia đình được làm nhà theo biên bản ngày 11/11/1999, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất đang sinh sống.

Nhưng đến khoảng năm 2014, một số người dân trong đó có ông T, ông H gửi đơn đề nghị xã giải quyết 04 hộ gia đình trong đó có gia đình tôi là lấn chiếm đất của thôn và yêu cầu 04 hộ phải di dời để trả lại đất của thôn. Giải quyết đơn đề nghị trên ngày 29/6/2014, UBND xã Đ đã có thông báo số 14/TB-UBND trả lời tờ trình đề nghị giải quyết của trưởng thôn G, nội dung thông báo kết luận: Các thông tin trên UBND xã chưa đủ cơ sở để kết luận 04 hộ lấn chiếm đất của tập thể; Đơn khiếu tố của ông Lý Văn L ngày 14/7/1997, đến nay không còn giá trị giải quyết

Ngày 30/11/2018, Chủ tịch UBND huyện H có Công văn số 1200/UBND-

TNMT trả lời đơn đề nghị của một số hộ dân thôn G về việc tố cáo 04 hộ gia đình lấn chiếm đất của thôn, cũng đã kết luận là không có cơ sở xem xét, không đảm bảo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sinh sống, gia đình tôi đã thực hiện việc đóng thuế nhà đất cho Nhà nước đầy đủ theo quy định. Do đó, việc gia đình tôi quản lý, sử dụng diện tích thửa đất số 75, tờ bản đồ số 14 là hợp pháp, tôi không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Về giá trị tài sản trên đất của gia đình tôi theo biên bản định giá tài sản ngày 13/8/2020, có tổng giá trị 335.493.000 đồng là thấp, tôi không nhất trí. Về chi phí tố tụng các nguyên đơn khởi kiện nên phải tự chịu.

Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà nội tôi, nằm tiếp giáp với khu nhà HTX cũ (sau này là Nhà Văn hóa thôn G). Đến năm 1984, ông bà nội tôi có cho bố tôi là Phạm Văn T (đã chết) và mẹ là Du Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên, trong đó có một phần diện tích đất đang bị các nguyên đơn khởi kiện cho rằng tôi lấn chiếm đất của Nhà văn hóa thôn G. Sau khi được ông bà nội cho đất, năm 1984, bố mẹ tôi có xây dựng 01 ngôi nhà cột. Đến năm 2000, bố mẹ tôi phá ngôi nhà cột đi và xây 01 ngôi nhà cấp 4 có 03 gian, 01 nhà ngang có 02 gian, 01 nhà bếp khoảng 01 gian như hiện nay.

Năm 2004, tôi nghe bố mẹ tôi kể lại là chính quyền thôn đã tổ chức họp dân và yêu cầu 4 hộ gia đình gồm hộ gia đình nhà tôi và các hộ ông Hứa Xuân H, ông Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn T (vợ là Trần Thị L) phải có trách nhiệm xây tường bao quanh để làm ranh giới giữa 04 hộ với nhà kho (hiện nay đã xây thêm Nhà văn hóa trên nền sân kho cũ). Cùng năm đó, gia đình tôi cùng với gia đình ông Phạm Văn T đã xây tường bao theo yêu cầu của chính quyền thôn. Ngoài ra, tôi còn nghe bố tôi nói lại là chính quyền thôn có vận động gia đình tôi hiến một ít đất vườn để làm đường đi vào nhà ông Phạm Văn T (ông T là chú ruột của tôi), gia đình tôi đã nhất trí. Đến năm 2013, bố tôi chết thì tôi mới quản lý, sử dụng diện tích đất và các tài sản nêu trên.

Đến năm 2014, ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, ông Du Văn B, ông Vi Văn P gửi đơn khởi kiện gia đình tôi và 03 hộ khác lấn chiếm đất của thôn và yêu cầu 04 hộ phải di dời để trả lại đất. Sau đó, UBND xã Đ đã có văn bản trả lời, nhưng các ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, ông Du Văn B, ông Vi Văn P vẫn không nhất trí, tiếp tục khiếu nại. Đến tháng 5/2020, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu gia đình tôi trả lại 110m² đất thuộc một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 14 xã Đồng Tân. Đây là đất cha ông tôi để lại nên tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Trần Thị L, người đại diện là ông Phạm Văn T trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp, trước đây do ông, bà, bố, mẹ tôi khai phá từ rất lâu. Đến năm 1994, bố mẹ tôi mới bảo tôi ra ở riêng tại diện tích đất hiện nay tôi đang sinh sống, trong đó có một phần diện tích 80m² đất đang bị các nguyên đơn khởi kiện cho rằng tôi lấn chiếm đất của Nhà văn hóa thôn G, việc khởi kiện là không có căn cứ, vì:

Nguồn gốc đất tranh chấp 80m² là đất cha ông của tôi và các ngày

11/11/1999; 02/4/2004 và 06/8/2006 chính quyền thôn G đã tổ chức họp thôn và nhất trí cho 04 hộ gia đình trong đó có gia đình tôi được làm nhà trên các thửa đất xung quanh nhà kho với khoảng cách quy định cụ thể, có trách nhiệm xây tường bao quanh để làm ranh giới giữa 04 hộ với nhà kho, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa đất đang sinh sống.

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai ngày 29/6/2014, UBND xã Đ đã có thông báo số 14/TB-UBND trả lời và kết luận: Chưa đủ cơ sở kết luận 04 hộ lấn chiếm đất của tập thể. Ngày 30/11/2018, Chủ tịch UBND huyện H có Công văn số 1200/UBND-TNMT trả lời đơn đề nghị của một số hộ dân thôn G về việc tố cáo 04 hộ gia đình lấn chiếm đất của thôn, cũng đã kết luận là không có cơ sở xem xét, không đảm bảo quy định của pháp luật.

Do đó việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu gia đình tôi trả lại 80m² đất thuộc một phần thửa đất số 73, tờ bản đồ số 14 xã Đ, là không có căn cứ, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Theo lời khai của Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày: Ủy ban nhân dân xã mong muốn các hộ dân thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp đất để tránh mất tình cảm làng xóm, mất đoàn kết trong thôn. Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ UBND xã Đ đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án, trường hợp các bên tranh chấp không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Theo lời khai của Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Đất tranh chấp giữa các đương sự gồm có thửa đất số 74, 75 và một phần thửa đất số 73, 82, thuộc tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ. Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp: Qua làm việc với các hộ đại diện Ban quản trị HTX qua các thời kỳ và một số hộ dân cho thấy, HTX G thành lập từ năm 1961, khi thành lập không có Quyết định hay văn bản thành lập. HTX hoạt động đến khoảng năm 1982 thì dừng hoạt động. Khi giải thể không Hợp xã viên để xử lý tài sản của HTX mà Ban quản trị HTX đã bàn giao cho các cụ cao tuổi thôn G sử dụng để làm nơi sinh hoạt (có biên bản bàn giao ngày 20/7/1997). Sơ đồ khu đất nhà kho HTX Góc Me được phác họa như sau: Phía cạnh đi đường đèo (đường tỉnh lộ 243) dài 28m, chiều sâu khu đất là 50m, trên khu đất có nhà kho, lò sấy, hồ vôi và một số công trình khác (sơ đồ không có ngày tháng năm, không có xác nhận của người lập và Ban quản trị HTX).

Trong quá trình quản lý, sử dụng, do việc quản lý không tốt, lòng leo của thôn, của UBND xã Đ dẫn đến để một số hộ đến làm nhà, xây dựng trên đất nhà kho HTX (hiện nay là Nhà Văn hóa thôn G), quá trình lấn chiếm của các hộ thể hiện rõ tại Công văn số 1200/UBND-TNMT ngày 30/11/2018, của Chủ tịch UBND huyện H. Năm 1999, 2004, 2006, thôn G đã họp thống nhất xử lý việc các hộ lấn, chiếm đất nhà kho HTX và đã đồng ý cho các hộ xây dựng công trình, tường bao để sử dụng. Phần diện tích còn lại được sử dụng làm nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư thôn Góc Me cho đến nay.

Diện tích đất tranh chấp ông Nguyễn Văn B, ông Hứa Xuân H, bà Trần Thị L, ông Phạm Văn H đang quản lý, sử dụng qua kiểm tra các hộ chưa được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Khu đất cộng đồng dân cư thôn G đang quản lý, sử dụng đã xây dựng Nhà Văn hóa năm 2017, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra quy hoạch sử dụng đất huyện Hữu Lũng giai đoạn 2010-2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 vị trí khu đất nhà ông Bá, ông Hòa, bà Lan, ông Hiệu được quy hoạch là khu dân cư.

Ngày 02/5/2015, UBND huyện nhận được đơn đề nghị của ông Hoàng Văn T, Vi Văn H, Du Văn B, Vi Văn P, đề nghị xem xét xử lý 04 hộ dân lấn chiếm đất Nhà kho HTX để làm nhà văn hóa thôn G. Ngày 11/11/2015, UBND huyện đã thành lập Tổ công tác kiểm tra, xác minh và tham mưu hướng giải quyết, sau nhiều lần trao đổi, tuyên truyền, vận động nhưng người dân thôn G không thống nhất được hướng giải quyết. Trên cơ sở cuộc họp tư vấn các ngành của huyện, ngày 30/11/2018 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành công văn số 1200/UBND-TNMT trả lời đơn đề nghị của ông Hoàng Văn T, Vi Văn H, Vi Văn P, Du Văn B. Đồng thời giao UBND xã Đ tiếp tục tổ chức tuyên truyền cho toàn thể người dân thôn G được biết.

Ủy ban nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm theo Công văn 1200/UBND-TNMT, đề nghị các đương sự thiện chí thoả thuận với nhau để giải quyết vụ án, trường hợp không thoả thuận được đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của Đại diện Sở giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với phần diện tích tranh chấp thuộc thửa 74, 75 nằm trong hành lang an toàn giao thông, căn cứ Điều 15, Điều 28 Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thì những tài sản nằm trong ranh giới hành lang an toàn giao thông mà đã hình thành trước năm 2010, được phép tồn tại, tiếp tục sử dụng nhưng phải đúng với mục đích sử dụng không ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Đối với diện tích thửa tạm 81.1 (13,7m²) và thửa tạm 81.2 (16,3m²) theo mảnh trích đo số 76/2020 của Công ty Trắc địa bản đồ và Môi trường ST là đất giao thông, đã thu hồi và bồi thường cho các hộ dân, vì vậy đề nghị các hộ dân không được quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đồng ý với trình bày của nguyên đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đồng ý với trình bày của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 5; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ ông Nguyễn Văn Bá trả lại phần lớn thửa đất số 74, có diện tích 447m², có tứ cận: Phía Đông giáp Nhà Văn hóa thôn G (Có vị trí đỉnh thửa: B19, B20, A3, A4, A5, A6); Phía Tây giáp đường TL.243 (Có vị trí đỉnh thửa: A11, B3); Phía Nam giáp thửa đất 75 (Có vị trí đỉnh thửa: A6, B3); Phía Bắc giáp thửa đất 74 và 68 (Có vị trí đỉnh thửa: B19, B2, B1, A12, A11) và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ ông Hứa Xuân Hòa trả lại thửa đất số 75, có diện tích 388,9m², có tứ cận: Phía Đông giáp Nhà Văn hóa thôn G (Có vị trí đỉnh thửa: A6, B5, B6); Phía Tây giáp đường TL.243 (Có vị trí đỉnh thửa: B3, B4); Phía Nam giáp đường bê tông (Có vị trí đỉnh thửa: B6, A8, B4); Phía Bắc giáp thửa đất 74 (Có vị trí đỉnh thửa: A6, B3) và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ ông Phạm Văn Hiệu trả lại 110m² đất thuộc một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đồng Tân và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn Gốc Me quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc hộ bà Trần Thị L trả lại 80m² đất thuộc một phần thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn Gốc Me quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 30/7/2021 nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm giao lại diện tích đất tranh chấp cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, phần tranh luận tại phiên tòa đã được làm sáng tỏ nội dung vụ án, các đương sự đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc là đất khu nhà kho cũ của Hợp tác xã thôn G, xã Đ, huyện H đưa vào Hợp tác xã quản lý từ năm 1961 đến năm 1982 tan Hợp tác xã. Ngày 20/7/1997 Ban quản lý HTX bàn giao khu đất nhà kho cho Hội người cao tuổi quản lý. Tuy nhiên có một phần diện tích đất quanh nhà kho bị một số hộ dân lấn chiếm làm nhà ở, trong đó có hộ ông Phạm Đức T, hộ ông Nguyễn Văn B, hộ ông Hứa Xuân H, hộ bà Trần Thị L, các thửa đất trên được thể hiện trong sổ mục kê và bản đồ địa chính xã Đ đứng tên các bị đơn là chủ sử dụng đất.

Theo biên bản họp ngày 10/7/2014 không có đại diện chính quyền thôn. Tại buổi họp bầu ban đại diện, gồm: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, ông Du Văn B, ông Vy Văn P để tham gia họp bàn giải quyết những vướng mắc về đất đai của thôn. Sau khi nộp đơn kháng cáo nguyên đơn có nộp Biên bản họp dân đề ngày 08/6/2019 về việc không nhất trí văn bản 1200 ngày 30/11/2018 của UBND huyện H và có bầu Ban đại diện gồm: Ông Vi Văn H, ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T để khởi kiện tại Tòa án đòi lại đất cho Cộng đồng dân cư nên xác định Cộng đồng dân cư là nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Vi Văn H, ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T là nguyên đơn là không chính xác.

Về phía nguyên đơn cho rằng 04 hộ dân lấn chiếm đất của HTX. Tại biên bản làm việc ngày 20/7/1997 Ban quản trị HTX giao khu đất nhà kho cho Hội người cao tuổi quản lý. Theo văn bản trả lời của UBND huyện H năm 1982 HTX giải thể, nên không còn tồn tại Ban quản lý HTX, mặt khác Ban quản lý HTX không có thẩm quyền giao đất. Đối với diện tích đất tranh chấp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cho Cộng đồng dân cư thôn Gốc Me. Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện H và của UBND xã Đ không mở rộng vẫn giữ nguyên như hiện trạng. Việc các nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn B, Hứa Xuân H, bà Trần Thị L, ông Phạm Minh H trả lại đất lấn chiếm để xây dựng nhà văn hóa thôn Gốc M, xã Đồng T là không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện để bảo vệ lợi ích của cộng đồng nên thuộc trường hợp được miễn án phí, Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30/7/2021 nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Xét kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có văn bản ủy quyền, có đơn xin vắng mặt hoặc đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có lý do chính đáng, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn cho rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát đã viện dẫn các bị đơn không có căn cứ xác định chứng minh việc sử dụng đất của Hợp tác xã theo luật đất đai. Mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, Viện kiểm sát không công nhận đồng thời đã bác và giải tán phiên tòa. Tuy nhiên, sau 03 ngày tòa lại tuyên án vào ngày 19/7/2021. Do đó, các nguyên đơn không chấp nhận bản án sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện và đơn yêu cầu đó"*.

[5] Theo biên bản họp ngày 10/7/2014 không có đại diện chính quyền thôn. Tại buổi họp bầu ban đại diện, gồm: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, ông Du Văn B, ông Vy Văn P đề tham gia họp bàn giải quyết những vướng mắc về đất đai của thôn. Sau khi nộp đơn kháng cáo nguyên đơn có nộp Biên bản họp dân đề ngày 08/6/2019 về việc không nhất trí văn bản 1200 ngày 30/11/2018 của UBND huyện H và có bầu Ban đại diện gồm: Ông Vi Văn H, ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T để khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, ông Hoàng Văn T, Vi Văn H, Hoàng Thị T, làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai với tư cách là người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý xác định đây là vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Cộng đồng dân cư thôn G và các cá nhân.

[6] Tại khoản 3 Điều 5 Luật Đất đai quy định Cộng đồng dân cư là người sử dụng đất: *"Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ"*. Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì Cộng đồng dân cư không có tư cách pháp nhân nên không thể là đương sự trong vụ án dân sự và theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật đất đai quy định: *"Người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với việc sử dụng đất được giao, công nhận cho cộng đồng dân cư"*.

[7] Theo quy định trên thì ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T, sinh sống tại thôn G là các thành viên của Cộng đồng dân cư thôn G được Cộng đồng dân cư họp bầu làm đại diện tham gia giải quyết vụ án. Do vậy, họ là người Đại diện cho Cộng đồng dân cư có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186, 187 của Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cộng đồng dân cư. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng

Thị T là nguyên đơn trong vụ án là chưa đầy đủ cần phải sửa lại cho phù hợp và xác định nguyên đơn Đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H là ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T tham gia tố tụng trong vụ án.

[8] Đối với nội dung kháng cáo của các đương sự cho rằng: Nhận định của bản án sơ thẩm có nhiều mâu thuẫn trái ngược, không thể hiện được tính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, phủ nhận nhiều bằng chứng hợp pháp của nguyên đơn đã cung cấp để khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ xác thực nên Bản án tuyên không có tính thuyết phục.

[9] Hội đồng xét xử, xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là do nhân dân thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đóng góp vào HTX từ năm 1961, năm 1963 HTX thôn G cho xây dựng 01 nhà văn hóa và kho của HTX hoạt động đến năm 1982 tự giải thể. Quá trình thành lập HTX không có quyết định thành lập, khi giải thể không có Nghị quyết tuyên bố giải thể HTX, không họp xã viên HTX để xử lý tài sản của HTX. Từ khi giải thể HTX đến năm 1997 Ban quản trị HTX không hoạt động, không họp xã viên HTX, đến ngày 20/7/1997 Ban quản trị HTX tự lập biên bản bàn giao khu đất nhà kho của HTX cho Hội người cao tuổi quản lý sử dụng làm nơi sinh hoạt. Năm 1989 hộ ông Nguyễn Văn B thấy khu đất của HTX thôn G còn trống, không sử dụng đã mượn của các cụ người cao tuổi theo Biên bản ngày 02/8/1997, cũng trong năm 1997 ông Nguyễn Văn B tập kết vật liệu xây dựng để xây dựng nhà, ngày 29/9/1997 UBND xã Đ đã ra Thông báo số 25/TB-UBND về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B dừng việc xây dựng nhà trái phép trên đất lấn chiếm. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất nhà kho của HTX do việc quản lý không tốt của thôn G và UBND xã Đ nên để 04 hộ dân lấn chiếm đất nhà kho xây dựng nhà là hộ ông Nguyễn Văn B, hộ ông Hứa Xuân H, hộ bà Trần Thị L, hộ ông Phạm Văn H. Năm 1999, 2004, 2006 thôn G đã họp thống nhất và đồng ý để 04 hộ dân xây dựng công trình, tường bao quanh khu vực đất lấn chiếm, phần diện tích đất còn lại làm nơi sinh hoạt của Cộng đồng dân cư thôn G từ đó cho đến nay. Quá trình quản lý sử dụng đất của HTX, cũng như việc các hộ dân cho là lấn chiếm đất của HTX chưa được HTX đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, chưa cơ quan có thẩm quyền giao đất. Do đó, nguyên đơn cho rằng 04 hộ dân lấn chiếm đất của HTX là chưa đủ căn cứ.

[10] Tại Văn bản số 1200/UBND-TNMT ngày 30/11/2018 của UBND huyện H trả lời đơn đề nghị của một số hộ dân thôn G, xã Đ, huyện H nêu: Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2010 đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND huyện H thì Nhà văn hóa thôn G, xã Đ giữ nguyên như hiện tại, không mở rộng, diện tích sử dụng 527m², đã có tường bao xung quanh theo tiêu chí nông thôn mới và được cơ sở lấy ý kiến của Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ. Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và hồ sơ quản lý đất đai đối với 04 hộ gia đình lấn chiếm và khu đất Nhà Văn hóa thôn G, xã Đ đang quản lý, sử dụng và xây dựng mới năm 2017 chưa được cấp GCNQSDĐ. Do đó, việc các ông Du Văn B, Vi Văn H, Vi Văn P, Hoàng Văn T đại diện cho một số hộ dân thôn G đề nghị xem xét giải quyết việc hộ ông Nguyễn Văn B, hộ ông Hứa Xuân H, hộ bà Trần Thị L, hộ ông Phạm Minh H lấn chiếm đất nhà kho là có căn cứ. Tuy nhiên theo Luật đất đai năm

2013; khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc cấp GCNQSDĐ đối với hộ gia đình và cá nhân có vi phạm Luật đất đai trước ngày 01/7/2014; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện H đã được phê duyệt; quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đ thì các hộ ông Nguyễn Văn B, hộ ông Hứa Xuân H, hộ bà Trần Thị L, hộ ông Phạm Minh H được xem xét để cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất các hộ lấn chiếm đã được thôn G, xã Đ đồng ý cho xây dựng tường bao và sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Đối với diện tích đất Nhà văn hóa đang quản lý, sử dụng 527m² vẫn đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, theo quy định của Điều 59, Điều 66 Luật đất đai quy định về thẩm quyền giao đất và thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân các cấp Tòa án không có thẩm quyền giao đất, thu hồi đất.

[11] Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Đại diện UBND xã Đ, huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người quản lý đất đai tại địa phương. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại cấp sơ thẩm trong Thông báo thụ lý giải quyết vụ án số 25/TB-TLVA ngày 15/5/2020 đã đưa UBND xã Đ, huyện H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2021 ông Lương Văn C - Phó chủ tịch UBND xã Đ, huyện H là người Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện H có mặt tại phiên tòa tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020). Vì vậy các đương sự kháng cáo cấp sơ thẩm không đưa Đại diện UBND xã Đ, huyện H tham gia tố tụng là không có căn cứ.

[12] Từ những phân tích nêu trên xét thấy, các nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T kháng cáo yêu cầu các bị đơn là ông Nguyễn Văn B, ông Hứa Xuân H, bà Trần Thị L, ông Phạm Minh H trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp lấn chiếm của HTX thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[13] Đối với một phần diện tích 26,7m² thuộc một phần thửa đất số 74, do bà Nguyễn Thị D đang quản lý; 1,7m² thuộc một phần thửa đất số 68 do hộ ông Nguyễn Văn B đang quản lý, sử dụng được xác định là đất giao thông các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[14] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vi Văn H đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản số tiền 31.690.000 đồng. Xét thấy, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là có căn cứ. Xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên.

[15] Về án phí dân sự: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thu tiền

tạm ứng án phí sơ thẩm 13.860.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001866 ngày 14/5/2020 và buộc nguyên đơn phải chịu 600.000 đồng tiền án phí sơ thẩm; thu của các nguyên đơn ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo là không đúng. Xét thấy, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm, tuyên trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn theo các biên lai: Biên lai số AA/2016/0001866 ngày 14/5/2020 số tiền 13.860.000 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2016/0002210 ngày 05/8/2021 số tiền 300.000 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2016/0002211 ngày 05/8/2021 số tiền 300.000 đồng; Biên lai thu tiền số AA/2016/0002212 ngày 05/8/2021 số tiền 300.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[16] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 5; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 9 Điều 26; Điều 38, Điều 147; 148; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 3 Điều 296 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Quyền sử dụng đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đồng Tân huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc buộc hộ ông Nguyễn Văn B trả lại phần lớn thửa đất số 74, có diện tích 447m², có tứ cận: Phía Đông giáp Nhà Văn hóa thôn G (Có vị trí đỉnh thửa: B19, B20, A3, A4, A5, A6); Phía Tây giáp đường TL.243 (Có vị trí đỉnh thửa: A11, B3); Phía Nam giáp thửa đất 75 (Có vị trí đỉnh thửa: A6, B3); Phía Bắc giáp thửa đất 74 và 68 (Có vị trí đỉnh thửa: B19, B2, B1, A12, A11) và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc buộc hộ ông Hứa Xuân H trả lại thửa đất số 75, có diện tích 388,9m², có tứ cận: Phía Đông giáp Nhà Văn hóa thôn G (Có

vị trí đỉnh thửa: A6, B5, B6); Phía Tây giáp đường TL.243 (Có vị trí đỉnh thửa: B3, B4); Phía Nam giáp đường bê tông (Có vị trí đỉnh thửa: B6, A8, B4); Phía Bắc giáp giáp thửa đất 74 (Có vị trí đỉnh thửa: A6, B3) và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn Gốc Me quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đồng T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc buộc hộ ông Phạm Minh H trả lại 110m² đất thuộc một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đ và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn về việc buộc hộ bà Trần Thị L trả lại 80m² đất thuộc một phần thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 14 xã Đồng T và tháo dỡ di dời các công trình xây dựng, tài sản trên đất để Cộng đồng dân cư thôn G quản lý, sử dụng làm sân Nhà Văn hóa thôn.

(Chi tiết cụ thể có Phụ lục kèm theo bản án)

2. Buộc các nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T là những người đại diện cho Cộng đồng dân cư thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn B, ông Hứa Xuân H, bà Trần Thị L, ông Phạm Minh H. Các đương sự có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tổng số tiền 31.690.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí dân sự: Nguyên đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Vi Văn H số tiền tạm ứng án phí 13.860.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001866 ngày 14/5/2020 và hoàn trả cho ông Hoàng Văn T, ông Vi Văn H, bà Hoàng Thị T mỗi người 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002210 ngày 05/8/2021; Biên lai thu tiền số AA/2016/0002211 ngày 05/8/2021; Biên lai thu tiền số AA/2016/0002212 ngày 05/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của DS;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn

Vi Đức Trí

Hồ Đức Châm

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của DS;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm